

Bài 162. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Dhammika | Sư Giác Nguyên giảng 11/02/2019

CHƯƠNG VI - SÁU PHÁP

IV. PHẨM CHƯ THIÊN

BÀI KINH 40 - TÔN GIẢ KIMBILA

Kimbila là một trong những vị Thánh dòng họ Thích Ca, bà con với Đức Phật. Nội dung kinh này chúng ta học rồi, tôi chỉ nhắc sơ qua thôi.

Ngài Kimbila hỏi Đức Phật vì sao khi Đức Phật viên tịch thì giáo pháp tồn tại lâu dài hoặc không tồn tại lâu dài. Chuyện giáo pháp tồn tại lâu dài hay ngắn hạn là vì lý do nào? Thì Đức Phật Ngài dạy có sáu lý do. Có chỗ Ngài nói năm, có chỗ Ngài nói ba, có chỗ nói hai, ở đây thì Ngài nói sáu. Dầu kể năm, ba, hai, hay là sáu thì nội dung cũng là một thôi, giống nhau.

Lý do thứ nhất là hàng tứ chúng, tức là tăng ni và cư sĩ, không sống dốc lòng tôn kính Phật Bảo. Thứ hai là không dốc lòng tôn kính Pháp Bảo. Thứ ba là Tăng Bảo. Cái này tôi nhớ giải thích rồi cách đây không lâu.

Dốc lòng tôn kính Phật Bảo là sao?

Dốc lòng tôn kính Phật Bảo đây không có nghĩa là mình cứ tối ngày quỳ lạy tụng niệm rồi trông đợi ở Ngài sự ban phước tha tội, thờ Phật kiểu như thờ thần thì không phải. Mà tôn kính đây là luôn luôn nghĩ tưởng Thế Tôn là người như thế nào. Dầu hôm nay Ngài không còn nữa nhưng luôn luôn nghĩ tưởng về Ngài. Trước bức tượng hay trước tấm ảnh luôn như vậy, luôn luôn nghĩ tưởng đức lành của Đức Phật để thấy mình có sống trong đức lành đó hay không. Mình có học đòi được chút nào trong cái muôn một đó ở Ngài.

Nhiều lần tôi nói với bà con là có hai cách thờ Phật: là thờ người sống và thờ người chết. Thờ người chết là mình nghĩ tưởng tới người không còn nữa, thờ như thờ một bức tượng, thờ để tưởng nhớ suông, gọi là thờ người chết. Còn thờ người sống là mình thờ Phật với tâm tưởng suy niệm thường trực về Ngài.

Và cũng rất nhiều lần tôi nói cách bày trí bàn Phật cũng vậy. Cách bày trí kiểu một là bức tử Đạo sư. Cách thứ hai là nuôi sống Đạo sư.

Bức tử Đạo sư là mình bày biện quá nhiều trên bàn thờ. Tưởng tượng nếu bức tượng đó là người thật thì một lát nữa đây làm sao Ngài bỏ chân xuống, Ngài đi đây. Trước mặt bày đầy ra hết như cúng giỗ vậy đó. Thờ mà như cúng giỗ vậy, thờ kiểu bức tử, mong người ta chết!

Còn thờ kiểu nuôi sống Đạo sư là thờ Ngài theo cách mình đối xử với người sống. Đơn giản thôi nhưng mà trang nghiêm. Mình giả định như một lát nữa bức tượng đó Ngài để chân xuống, Ngài bước đi thì có chỗ để Ngài đi. Mình thờ Ngài như Ngài đang có mặt trong nhà mình vậy. Nhe, cái này quan trọng lắm!

Chủ trương chúng tôi là dầu trong chùa hay phòng riêng, nhà riêng đi nữa thì lúc nào cũng phải đơn giản, tôn nghiêm. Và lòng mình niệm Phật không phải chỉ niệm hồng danh, niệm suông réo gọi tên, không phải đơn giản là tuyên thệ Phật hiệu, mà ở đây là suy niệm về đức lành của Ngài.

Ngài là người không có ác tâm với chúng sinh. Ngài là người sống không cực đoan. Ngài là người chủ trương luôn sống tháo gỡ, cởi mở, sống yêu thương, sống tự tại. Ngài không bị vướng kẹt trong cái gì hết: yêu thương, tự tại, tháo gỡ, cởi mở, cảm thông, chia sẻ và thấu hiểu. Trong nhân cách một người như vậy không có gì là khuất lấp. Cái gì cũng minh bạch. Trong nhân cách một người như vậy không có chỗ cho những biên kiến, định kiến, tị hiềm, phân chia, giới tuyến.

Thờ Phật phải thờ như vậy. Khi mình nghĩ về Phật như vậy mình mới có thể sống trong cảnh giới của Ngài được. Còn đảng này đa phần chúng ta thờ Phật như thờ một

ngẫu tượng, một thần tượng rất trừu tượng, thì như vậy không được. Thờ Phật như vậy thì hình ảnh, tôn nhan, tôn dung Ngài trong nhà mình không hỗ trợ cho mình cái gì hết. Trong khi mình thờ, mình sống trong hạnh lành của Ngài thì coi như mình dễ dàng cảm nhận sự hiện diện của Ngài bên cạnh mình. Là luôn luôn có mặt bên đời là vậy đó, tức là luôn luôn tôn kính bậc Đạo sư.

Các vị hỏi tôi dựa vào đâu mà giải thích cái đó. Tôi xin nói đó là Thanh Tịnh Đạo, phần Định có giải thích như vậy.

Rồi sống tôn kính Pháp là sao?

Là suy tưởng rằng Pháp chính là cái tạo nên Phật quả. Ngài đã hành trì Phật đạo, Phật hạnh, từ đó mới chứng ngộ được Phật quả. Đó là cách một.

Cách hai là khi suy niệm thành rồi thì Ngài thuyết giảng Chánh Pháp, con đường dẫn đến Phật đạo, Phật quả. Con đường đó là con đường được Ngài khéo thuyết giảng tùy vào căn tánh chúng sinh: nhanh, chậm, sâu cạn, tùy người mà Ngài thuyết giảng cho thích hợp.

Chính vì chỗ Ngài luôn luôn nghĩ tới tâm tư chúng sinh mà thuyết giảng, nên lời Ngài không có dư để mình có thể bớt đi, không thiếu để mình có thể thêm vào. Luôn luôn là chín chắn, không có gì để chỉnh sửa. Lời dạy đó được gọi là khéo thuyết. Hiệu quả và giá trị lời dạy đó vượt ngoài thời gian, không bị giới hạn bởi bất cứ không gian nào, dầu chúng ta có giỏi bằng trời, dầu khoa học phát triển đến đâu thì nội dung, chất lượng, giá trị lời dạy ấy mãi mãi hằng tại, trường tồn, không thay đổi.

Bởi lời dạy của chư Phật là công thức của vũ trụ chứ không phải do các Ngài tạo ra. Các Ngài chỉ là người phát hiện thôi. Mà đã nói là công thức, là định lý thì muôn đời nó là vậy.

Về giáo pháp, những nguyên tắc, những công thức, ý nghĩa mà chỉ có người trí mới có thể cảm nhận được chứ mà đến với Đạo mà tâm u mê không hiểu được Chánh

Pháp.

Trí đây là sao? Trí đây có ba:

Một là biết chán dục. Thấy sống vui đầu trong năm trần: sắc, thanh, khí, vị, xúc là chỉ quần quanh trong các cõi thấp thôi. Biết chán dục để tu tập thiền định.

Trí thứ hai là chán thiên. Dầu có đắc chứng thiền định cũng thấy rằng thiền định là cái gì đó vô ngã, vô thường. Tôi nói hoài, thế giới này là ảo. Thiện ảo, ác ảo, quả thiện ảo, mà quả ác cũng ảo, nhân thiện ảo mà nhân ác cũng ảo. Nhưng chúng ta vẫn phải hành thiện lánh ác là vì sao? Vì thà hành thiện ảo để có quả lành ảo, được vui ảo, còn hơn là làm ác ảo để bị khổ ảo. Các vị nghe kịp không? Ảo hết! Nhưng ít ra mình lựa cái ảo nào nó dễ chịu. Chính cái thiện ảo mới dẫn tới chuyện chấm dứt thiện ác, không còn sanh tử nữa.

Trí thứ ba là chán sanh tử. Có nghĩa thấy mọi hiện hữu ở đời đều là khổ, dầu là thô hay là tế.

Người thấy như vậy, có được ba trí này mới chấp nhận được lời Phật. Chớ mình chán dục mà còn đam mê trong thiền định, trong thần thông, đam mê trong các cõi Phạm thiên, đam mê trong tuổi thọ lâu dài nhiều đại kiếp thì như vậy cũng chưa phải là trí nhằm chán.

Ở đây phải hội đủ: chán dục, chán thiên, chán mọi hiện hữu. Mà để hiểu được cái này phải là người trí.

Một đặc điểm nữa của Giáo Pháp là phải tự mình giác ngộ, chớ không thể ai tu dùm mình. Dầu đó là mẹ ruột, cha ruột mình đi nữa; vợ chồng, con cái, thân hữu, quyến thuộc xa gần, máu mủ huyết thống gần gũi thiết thân đến mấy, không ai có thể tu dùm ai.

Mình uống cà phê thì mình biết vị cà phê nó ra làm sao, cái mùi nó ra làm sao, chớ không thể nào mẹ ruột thương con đến mức mẹ uống mà mẹ tả cho con là cái đó

không được, không thể. Đó là ly cà phê, nói chi là quả chứng tu hành, nói chi là hành trình tu tập, không ai mà làm dùm ai hết.

Chư Phật chỉ là người hỗ trợ cho kẻ hữu duyên. Phật lực vô biên, Phật trí vô cùng, Phật tâm vô lượng, nhưng không thể độ kẻ vô duyên. Câu này phải nhớ. Chư Phật chỉ hỗ trợ cho người hữu duyên.

Trong Kinh nói Ngài giống như gà mẹ chỉ hỗ trợ cho con bằng cách mổ giúp cho nó vỡ trứng, nhưng tự con gà con phải đủ ngày đủ tháng bước ra ngoài ánh sáng mặt trời. Chớ cái trứng còn non quá, mổ bể cái trứng thì nó chết non thôi. Chư Phật chỉ là gà mẹ hỗ trợ cho cái trứng đã đủ già.

Cho nên giáo pháp chư Phật là giáo pháp dành cho người trí, đồng thời phải là tự mình giác ngộ, chớ không ai tu dùm ai. Thì suy niệm giáo pháp là phải suy niệm như vậy đó, mới gọi là tôn kính Chánh Pháp.

Tôn kính Tăng là sao?

Cái này không cần giải thích nhiều. Khi hiểu Phật tới nơi, hiểu Pháp tới chốn, thì tự nhiên tôn kính Tăng chúng là những người hành trì theo lời Phật, những người hành trì theo giáo pháp. Hễ Phật đáng kính, Pháp đáng kính thì người hành trì theo Phật pháp đương nhiên là đáng kính.

Tăng ở đây là bao gồm luôn tăng tục, có tóc và không có tóc, chư thiên và loài người. Bất cứ ai mà tu tập Bát Chánh Đạo mà thành tựu Đạo quả, Thánh trí, đều được gọi là Tăng.

Tăng đây gồm bốn đôi Đạo Quả, ở đó không hề nhắc đến chuyện tóc tai gì hết. Trọc lóc cạo sát da đầu hay tóc dài chấm gót, miễn có Thánh trí đều được gọi là Tăng Bảo.

Tùy thuận học Pháp là sao?

Là sống tôn trọng tinh thần Tam học. Pháp là tôn kính chung chung, tôn kính đức lành của Pháp. Còn tôn kính Tam học có nghĩa là sống nghiêm cẩn theo tinh thần Tam học.

Niềm tin nơi Chánh Pháp là một chuyện khác, mà ứng dụng vào đời sống thực tế chính là tôn trọng Pháp. Nhớ nhe, niềm tin khác, hiểu được Chánh Pháp là gì đó là chuyện khác, nhưng ứng dụng, đưa Chánh Pháp vào trong đời sống thực tế qua ngũ Tam học, thì đó được gọi là tôn kính học Pháp.

Đưa vào Tam học nghĩa là sao? Giới học, Định học, Huệ học.

Giới học đây không phải gói gọn trong con số, thí dụ 5 giới, 8 giới, 10 giới, tỳ kheo giới, sa di giới, mà Giới học đây là kiêng tránh tất cả cái gì bất thiện trong tam nghiệp.

Thí dụ trong 5 giới thì mình không nói dối là không phạm giới thứ tư, nhưng vậy chưa đủ. Không nói dối mà không nói đâm thọc, chia rẽ, không nói lời thô ác làm kẻ khác phải đau lòng rơi lệ, không nói lời phiếm luận.

Trong room có biết cái đó không ta? Có thấy định nghĩa Giới như vậy chưa? Ai không tin thì coi kỹ trong Bát Chánh Đạo: cái Chánh nghiệp, Chánh ngữ, Chánh mạng có phải là Giới hay không. Khi các vị hiểu Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là gì thì các vị mới hiểu tại sao định nghĩa Giới là vượt khỏi mấy con số.

Còn Giới mà hiểu kẹt theo mấy con số là không được. Thiếu gì người không phạm Ngũ giới nhưng chưa gọi là thành tựu Giới học. Giới học định nghĩa theo Bát Chánh Đạo thì ghê gớm lắm. Có nghĩa là:

Chánh nghiệp là không làm cái gì bất thiện trong thân nghiệp.

Chánh ngữ là không nói cái gì bất thiện trong khẩu nghiệp.

Còn Ý nghiệp đây là tất cả Bát Chánh Đạo cộng chung gọi là Ý nghiệp. Riêng Thân nghiệp là Chánh nghiệp. Khẩu nghiệp là Chánh ngữ. Nhưng tất cả tám cái gom chung lại thì gọi là Ý nghiệp. Như vậy, tránh ác hành thiện trong tam nghiệp, khía cạnh đó gọi là Giới học.

Còn Định học gồm có ba: sát na định, cận định và kiên cố định.

Sát na định là khả năng tập trung tư tưởng trong từng khoảnh khắc. Như mình lái xe, nấu ăn, giũa móng, tô son, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, nhai, nuốt, tiểu tiện, tắm rửa, đánh răng, rửa mặt, thấy đều có định trong đó hết, luôn luôn có tâm sở định. Thì cái định đó của hành giả được gọi là Chánh định, nhưng định này ngắn hạn nên gọi là sát na định thôi.

Cận định là khả năng tập trung mạnh hơn. Nghĩa là sát na định lâu ngày thì đến giai đoạn cận định, nghĩa là khả năng định tâm của người sửa soạn, chuẩn bị, mấp mé để đắc thiền. Cận đây là upacāra, là kế bên, sát nút. Là sắp rồi, chuẩn bị cho đắc thiền.

Khả năng cận định chỉ xuất hiện, tồn tại trong một hai phút, mà cũng có thể kéo dài trong nhiều giờ, một ngày, tâm không rời cảnh thiền, cảnh đề mục. Chưa đắc gì hết nhưng hoàn toàn có thể với cận định mình ngồi nhiều giờ hoặc cả ngày không sao hết. Không hề biết đau nhức, không hề biết mỏi mệt, không hề phóng tâm, mà chỉ xài toàn là tâm đại thiện dục giới, có thể ngồi cả ngày.

Không biết trong room có tin cái này không ta? Nhiều người không tin là cận định có thể ngồi cả ngày. Có, có cái đó. Nhiều người hổng biết. Họ tưởng ngồi cả ngày là đắc rồi. Chưa chắc, chưa chắc! Sơ thiền không phải dễ đắc đâu quý vị.

Tại sao? Bởi vì muốn đắc Sơ thiền thì anh phải bỏ được năm triền. Không phải dễ bỏ năm triền để được năm chi thiền đâu. Tôi nhắc lại, không phải dễ.

Bỏ năm là:

Dục triền: không còn thích trong năm dục nữa.

Sân triền: không có bất mãn trong năm dục nữa.

Hôn thụ: là không còn buồn ngủ, lười biếng nữa.

Trạo hối: có nghĩa không bồn chồn, ray rứt, phóng tâm. Không tiếc nuối những gì đã làm và chưa làm.

Nghi triền: hoài nghi, có nghĩa là không hoang mang nghi hoặc, không biết con đường mình đi có đúng không, tu vậy đúng không, ông thầy dạy vậy đúng không, không biết tình trạng như mình hiện giờ là sao ta? Một đống hoang mang đó gọi là nghi triền.

Tránh được năm cái đó mới gọi là đắc Sơ thiền. Chớ không phải đơn giản mình ngồi lâu là đắc thiền, cái đó tôi xin can, nhe! Nhiều bà con mình cứ thấy lâu quá là phán là thiền.

Hôm đó tôi giảng bên Cali, có cô đó cổ giận điên lên. Bởi vì cô nói với tôi thiền dễ đắc lắm. Tôi nói muốn nói vậy cũng được, nhưng nhớ đừng la làng lên, hại Đạo lắm, vì nhiều người không được mà họ tưởng là được.

Cuối cùng, thấy Phật giáo gì đâu nó dở ẹc mà cũng tăng này tăng kia. Như vậy thì oan chư Phật dữ lắm!

Như vậy là sống tôn kính, tùy thuận vào Tam học.

Tùy thuận tiếp đón, cung kính tiếp đón

Cái cuối cùng là tùy thuận tiếp đón. Cung kính tiếp đón, cái này không giải thích không hiểu.

Bữa hôm chúng tôi nói, mình sống ở đời phải có qua lại, không ai có thể sống một mình hết trơn. Ngài Xá Lợi Phất, Ngài cũng có trên là Phật, dưới là huynh đệ, chớ không phải là không có. Chúng ta trên đời có hai cách giao tiếp với nhau. Một là

dùng vật chất, thứ hai là dùng tinh thần. Cách nữa là đối với nhau bằng ác pháp hoặc đối với nhau bằng thiện pháp.

Dầu sống trong rừng đi nữa, nhưng mình thường xuyên sống trong thiện pháp thì bất cứ ai gặp gỡ mình, mình cũng chỉ nói năng, hành động, chăm sóc họ bằng thiện tâm. Chính cái nói năng, trao đổi, chăm sóc bằng thiện tâm đó cũng sẽ khiến người kia được thiện pháp như mình. Còn nếu mình đối với nhau chỉ bằng ác pháp thì vô tình mình rủ nhau vào cõi tối.

Ở đây điều thứ sáu này nhiều người thấy thường, coi thường, nhưng không phải. Kẻ nào có khả năng giao tiếp với người khác bằng Chánh pháp thì đó cũng là một biểu hiện cho thấy người đó có tu. Mặc dù vị đó có tu một cái thôi, tu cái thứ sáu này. Có nghĩa là: “Tôi luôn luôn giao tiếp với người khác bằng Chánh pháp”. Bởi vì nếu bụng quý vị rác không thì quý vị lấy cái gì đãi đằng, tiếp đón người ta.

Cho nên nếu cần tu hành thì nói: tôi chỉ tu cái thứ sáu thôi, nghĩa là bất cứ ai tôi gặp gỡ, tiếp xúc, tôi chỉ đối xử với người đó bằng Chánh pháp thôi, hành động, nói năng, suy tư bằng Chánh pháp.

Trong Kinh Đức Phật ghi rõ: “Trước mặt hay sau lưng người thì ta cũng luôn luôn sống bằng Chánh pháp”.

Chớ nhiều khi trước mặt khác, còn sau lưng khác, còn có cái vụ đó nữa. Cho nên pháp thứ sáu này là pháp tu rất thâm hậu. Là mình có khả năng giao tiếp với người khác thuần túy bằng Chánh pháp.

Trong tiếng Pali là *āmisapaṭisanthāra*, có nghĩa là tiếp đãi, thù tạc, quan hệ nhau bằng vật chất. Cái thứ hai là *dhammapaṭisanthāra*, có nghĩa là tiếp đãi, thù tạc với nhau bằng Chánh pháp.

Tiếp đãi, thù tạc có hai cách. Một là cùng nhau im lặng để thiền định. Hai là cùng nhau trao đổi giáo lý. Đức Phật Ngài dạy là đệ tử của ta gặp nhau chỉ có hai việc để

làm thôi. Một là cùng im lặng để thiền định. Hai là cùng nhau đàm thoại, trao đổi giáo lý. Cái này tôi đã giảng cách đây không lâu, nhe!

Bây giờ học qua Kinh 41. Kinh này vô cùng đặc biệt.

Bài Kinh 41: Đồng Gỗ — Darukkhandhasuttam

Nội dung Kinh này là Chỉ Quán song tu. Bài Kinh này tiếng Pali là Darukkhandha. “Daru” là “củi, gỗ”, còn “khandha” là “đồng”. Chữ “khandha” này cũng chính là uẩn, là đồng, khối, nhóm. Darukkhandha là đồng gỗ, đồng củi.

Tại sao tôi nói Kinh này sâu? Tôi mượn Kinh Thánh tôi nói nhe: “Phúc thay cho kẻ nào sáng nay được nghe Kinh này. Và buồn thay cho kẻ nào sáng nay không được học Kinh này”. Các vị liếc vô chánh Kinh thấy rất là gọn, có mấy hàng thôi.

Chánh Kinh nói thế này: Một ngày đó, ngài Xá Lợi Phất từ trên núi Kỳ Xà Quật, núi Gijjhakūṭa là Linh Thứu, Bắc Tông gọi là Linh Sơn, ngài đi xuống cùng với chư tăng. Ngài đi ngang một đồng gỗ lớn, Ngài mới hỏi chư tăng:

“Mấy anh em huynh đệ có thấy đồng gỗ đó hay không?”.

Chư tăng nói thấy, thì Ngài mới nói thế này: Một vị tỳ kheo có tu tập Ngũ thiền.

Chắc phải ngưng ở đây chút nói về Ngũ thiền. Sơ thiền là khả năng thành tựu năm chi thiền, bỏ năm triền. Nhị thiền thì như Sơ thiền, chỉ cao hơn chút thôi.

Còn Tam thiền là bỏ được Hỷ, tức là bỏ luôn ưu, không còn buồn - vui.

Tứ thiền thì bỏ luôn Khổ - Lạc. Độc đáo là ở chỗ này. Tôi nói thiệt chậm. Còn vướng trong Năm triền là còn sống trong tâm hạn hẹp, còn thích, còn ghét. Còn vướng trong Tầm tứ có nghĩa là còn biết cảnh trần bằng cái tâm thô tháo. Nhưng bỏ luôn cái Hỷ - Ưu là không còn cảm xúc thô tháo. Và bỏ luôn Khổ - Lạc có nghĩa là bỏ luôn đời sống cảm xúc thông thường của phàm phu.

Thì người không còn thích ghét, không còn khổ ưu, buồn - vui, không còn khổ lạc, sáu cái này, thì họ mới có khả năng tập trung tư tưởng đến mức tốt nhất. Tâm định tới mức tốt nhất nghĩa là sao?

Samatha, thiền chỉ, ở đây dịch là Định học. Định học dẫn ta đến cảnh giới cao nhất của Tưởng, saññā, nhưng vẫn còn biết cảnh chế định tục đế. Hễ nghe chữ “tưởng” thì mình hiểu ngay, không cần ai gõ đầu hết. Nghe chữ “tưởng” là biết còn sống trong tục đế. Còn Tuệ học, vipassanā, thì dẫn mình đến cảnh giới cao nhất của Tuệ, paññā.

Chúng sanh trong đời có ba kiểu sống. Kiểu một là sống trong Dục tưởng. Kiểu thứ hai sống trong Thiền tưởng.

Dục tưởng có nghĩa là nhìn đất, nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc hoàn toàn bằng tâm dục đế rồi thích, rồi ghét. Đó là sống trong Dục tưởng.

Thứ hai là nhìn đất, nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc để mà an trú tâm định, đó được gọi là Thiền tưởng.

Thứ ba là Quán tưởng, vipassanā-saññā. Chữ Quán tưởng đây tôi nói rõ là không phải chữ “quán tưởng” bà con mình thường xài, mà chữ quán tưởng này chỉ dùng trong trường hợp này thôi.

Có nghĩa là Thiền quán có hai giai đoạn. Buổi đầu sống trong “tưởng” thôi, sống trong cảnh chế định. Rồi sau đó mới tới cảnh chân đế. Cảnh chế định là thở ra biết thở ra, thở vào biết thở vào, đi biết là đi, đứng biết là đứng. Xin hỏi bà con trong room, cái đó có phải cảnh chế định không?

Trong Thân quán niệm xứ, các thể trước đều là chế định: tóc, lông, móng, răng, da, hít vô, thở ra, giở, bước, đập, đi tới, đi lui, tắm rửa, ăn uống, nhai nuốt, vuốt tóc, gãi ngứa... tất cả đều là Tưởng chế định hết, nhưng mà đều biết nghe. Biết rõ, cái biết lúc đầu gọi là Quán tưởng. Tức là tu Quán, vipassanā, nhưng lúc đó chỉ còn sống trong “tưởng”.

Tiếp theo sau đó mình mới biết đây là Danh, đây là Sắc, đây là tâm tham, đây là tâm sân, đây là Hỷ giác chi, đây là Niệm giác chi... Lúc đó mới là paññā. Còn lúc đầu mình vẫn còn sống trong saññā, còn biết trong cảnh chế định.

Tôi nhắc lại. Trong đời sống mình sống bằng ba cái tướng: Dục tướng, Thiền tướng và Quán tướng. Quán tướng thì chỉ có hành giả, người tu tập thôi. Còn Thiền tướng, bài Kinh này nói nhiều về Thiền tướng, có nghĩa một người bỏ được sáu thứ là thích ghét, buồn vui, khổ lạc thì khả năng định tâm người đó rất tốt. Tốt đến mức người đó đạt đến mức độ cao nhất của Tướng.

Cao nhất của Tướng có nghĩa, theo ngài Xá Lợi Phất và theo Chú giải, là “đất, nước, lửa, gió” đây phải được hiểu theo A-tỳ-đàm chứ không thể hiểu theo định nghĩa thông thường trong tự điển mình thường dùng.

Ngài nói “đất” ở đây là cứng, mềm, nặng, nhẹ, thô, nhám.

“Nước” đây là trạng thái tan chảy, ngưng tụ hoặc kết dính.

“Lửa” đây là tất cả nhiệt độ nóng, lạnh.

“Gió” đây là các trạng thái áp suất, trương phồng, thúc đẩy, lay động.

Ngài nói trong tất cả vật chất đều có đủ bốn yếu tố này. Với một người lìa bỏ được sáu khía cạnh: thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc, thì khả năng định tâm người đó đạt đến mức độ tốt nhất. Mà khi đạt đến khả năng định tâm mức tốt nhất thì vị đó có thể khai thác triệt để các khía cạnh vật chất.

Thí dụ như trong Kinh này, vị đó nhìn đồng gỗ, vị đó tác ý đến khía cạnh “đất” của nó, cứng mềm; vị đó chỉ cần nói: “Thành núi đi”, thì lập tức nó thành ra một ngọn núi.

Các vị nhìn đồng đất, các vị nói: “Thành sông, thành suối đi”, lúc đó các vị tác ý đến khía cạnh “nước” của đồng gỗ đó, thì lập tức nó trở thành một dòng suối, một con

sông, một hồ nước.

Khi các vị nhìn đồng củi, các vị tác ý đến khía cạnh “lửa”, nhiệt độ của nó, thì lập tức nó thành ra đồng lửa rất lớn.

Còn các vị tác ý đến khía cạnh lay động, trương phồng, xê dịch của nó, thì vị ấy có thể tạo ra một trận cuồng phong cực lớn, một trận bão toir bởi hoa lá.

Tại sao các vị làm được chuyện đó? Bởi vì với khả năng định tâm của một người đắc Tứ hoặc Ngũ thiền, vị đó lìa bỏ được sáu thứ mà tôi vừa nói. Đó là thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc.

Tâm của người không tu thiền tại sao yếu? Là bởi vì bị sáu cái này nó làm cho yếu đi. Trong room có hiểu cái này không ta? Thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc. Kẻ nào sống bằng sáu cái này, tâm không thể nào mạnh được. Khả năng ngồi trong một, hai tiếng đồng hồ là đã giỏi dữ lắm rồi.

Khi không còn khổ, lạc thì ngồi làm gì có tē, làm gì có mỗi, có ngứa, có đau lưng; làm gì biết nóng quá, lạnh quá... Khi vượt khỏi sáu cái thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc thì tâm vị đó không còn bị chi phối bởi bất cứ gì trên đời này nữa hết. Bất cứ gì cũng không tác động được vị đó: âm thanh, ánh sáng, cọ quẹt, không ảnh hưởng nữa.

Với khả năng định tâm đó, vị đó có thể khai thác một cách triệt để, tuyệt đối các khía cạnh vật chất. Tức là nghĩ đến khía cạnh nào của vật chất cũng phát huy nó đến mức tận cùng.

Mọi chuyện không dừng lại ở đây. Đây tôi không nói về thần thông mà là nói về chuyện khác nữa. Đó là thế giới này thì ra nó là thế giới ảo! Các vị nghe kịp không? Ảo là sao? Vốn dĩ không có thật. Tất cả chỉ do “tâm” thôi. Wow, nghe kỹ nghe!

Do tiền nghiệp: Do tâm mới có nghiệp thiện ác. Do có nghiệp thiện ác nên đời này sanh ra ta là nam hay nữ, khỏe hay bệnh, đẹp hay xấu, thường xuyên dễ chịu hay khó chịu. Đó là do tâm, phải không?

Ngay trong hiện tại mà anh lại bỏ được sáu thứ: thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc, thì anh có khả năng định tâm. Anh có thể dời non lấp biển. Như vậy một lần nữa mình thấy lại cũng là do tâm nữa.

Rồi thì đất, nước, lửa, gió nó là vật chất, nhưng với khả năng định tâm, anh có thể biến nó như ý anh: từ ít thành nhiều, từ một thành nhiều, từ nhỏ thành lớn, từ mỏng thành dày, từ thấp thành cao. Như vậy rõ ràng một lần nữa lại là tâm nữa. Thấy chưa?

Cho nên mình phải cẩn thận cái này. Mình nói mọi thứ ở đời do Tâm là sai! Nhưng phải nói rõ là do Tâm gián tiếp hay trực tiếp thì nói vậy là đúng! Bỏ cái “gián và trực” mà cứ cầm đầu nói “vạn pháp duy tâm tạo” là sai! Bởi vì rõ ràng mình không bỏ khía cạnh vật chất được. Nhớ nhé.

Trong Phật giáo không có vụ cực đoan, nói rằng “mọi thứ do tâm hay do vật” là sai. Mà phải nói thế này:

“Vai trò của tâm lớn đến mức mà có thể ảnh hưởng, tác động, chi phối gián hay trực tiếp lên mọi sự”.

Phải thêm cái “gián hay trực”, nếu không có cái đó, mà cứ nói gọn là “vạn pháp duy tâm tạo” thì là bậy. Nhe! Bởi vì nếu các vị nói mọi thứ do tâm tạo thì thưa nay ai nấu cơm trời! Cứ ngồi nhắm mắt lim dim nghĩ tới cơm là có cơm trước mặt hay sao? Các vị tưởng tượng được không? Cứ ngồi tưởng nời cơm nó ra nời cơm à?

Hoặc như ngoài đời nói mới cầm tay mà có chữa là đâu được. Phải có này có kia chứ! Hoặc là nấu sôi thành cơm, cái đó là thật nghe!

Cho nên phải hiểu là mọi thứ đều do tâm, nhưng mà gián hay trực. Trong trường hợp gián tiếp thì nó phải có sự hỗ trợ, sự tiếp sức, sự đóng góp của Sắc, của vật chất, trong đó. Cho nên không thể nào mình cứ đổ cho tâm hay cho vật hết thì cái đó là sai.

Thì nội dung bài Kinh này nói đến hai chuyện rất quan trọng:

Chuyện thứ nhất, giải thích cho mình nghe thế nào là thần thông. Tại sao một vị tay không mà có thể tạo ra cây cỏ, đất đá, núi sông được? Trong đây mới giải thích là do định tâm ở một mức độ cần và đủ thì vị đó có thể tận dụng, khai thác được mọi khía cạnh vật chất. Đó là cái thứ nhất.

Cái nội dung thứ hai, sâu thẳm nằm dưới mặt nổi đó, chính là nói thế giới này là “ảo”. Thí dụ ta biết khi lễ trà tỳ hỏa táng báo thân Thế Tôn xong thì xá lợi của Thế Tôn được chia làm bảy phần. Vua A Xà Thế được chia một trong bảy phần đó. Vua rất tôn kính ngài Ca Diếp, vua mới xây một bảo tháp rồi thỉnh ngài Ca Diếp tự tay tôn trí xá lợi của Thế Tôn vào trong lòng tháp.

Lúc đó ngài Ca Diếp biết trước là 218 năm sau sẽ có vua A Dục ra đời hộ Pháp, nên ngài tôn trí tháp vàng xá lợi vào trong lòng tháp gạch. Xong ngài tự tay tôn trí hai cái đèn trong đó và một tràng hoa thật lớn, đang tươi và rất là thơm.

Ngài chú nguyện thế này:

“Từ đây trở đi, trong 218 năm, ngọn đèn này đừng tắt. Từ đây, trong 218 năm, tràng hoa này đừng héo, cho đến khi nào vua A Dục khai tháp phá niêm, mở tháp này ra, thì lúc đó đèn vẫn còn cháy, hoa vẫn còn tươi”.

Sau khi ngài chú nguyện xong, ngài quỳ xuống ngài lạy tháp. Ngài lùi ra thì vua A Xà Thế cho người niêm tháp lại, lấy trát vừa trát lại. Sau đó thì không ai thấy được gì bên trong.

Trải qua 218 năm, đến đời vua A Dục. Giai đoạn đầu đời vua là một bạo chúa. Vua chinh phạt xứ Kalinga, giết chết 100.000 người, chưa kể tù nhân vua bắt về hành hạ, giam cầm, tù đầy.

Sau thời gian là bạo chúa thì vua trở thành một vị minh quân Phật tử, vua hộ trì Chánh pháp. Vua được một vị A-la-hán dắt đi thăm viếng, đánh lễ các bảo tháp. Đi ngang tháp xá lợi Phật, vị La-hán nói:

“Đây là nơi thờ xá lợi của Thế Tôn, bậc Đạo sư.”

Lúc đó, tháp qua thời gian lâu thì cũng bị hư hao ít nhiều. Vua mới phát đại Bồ-đề tâm, vua nói là Thế Tôn vĩ đại như vậy, bây giờ bảo tháp cũ kỹ như vậy thì không xứng, cho nên phải làm cái tháp lớn để thờ. Muốn làm tháp mới thì phải rước xá-lợi ra. Vua mới cho người mở tháp ra thì vua rụng rời tay chân, bàng hoàng. Khi tháp phủ đầy râu phong vậy mà khi mở tháp ra, đèn vẫn cháy, hoa vẫn tươi như mới vừa đặt vào cách đây hai phút. Thơm ngát và tươi rói! Ngay cả giọt sương đọng trên đó còn chưa kịp khô!

Cho nên bài kinh này nhắc cho mình biết một khía cạnh rất độc đáo: thì ra thế giới này nó ảo! Các vị biết, trong cảnh giới loài người mình còn tương tranh là bởi vì mình còn sống trong thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc. Khi tâm mình còn bị hạn chế bởi sáu thứ này thì mình giống như một đứa bé, trên tay có cái gì thì chỉ có chừng ấy thôi. Nhưng với một người đã tu tập thiền định, lìa bỏ được sáu thứ thích, ghét, buồn, vui, khổ, lạc thì người đó giống như người trưởng thành.

Trên tay họ là cục bột, là miếng đường, nhưng một tiếng đồng hồ sau họ có thể làm ra cái bánh. Trong tay một đứa bé, cục gỗ mãi mãi là cục gỗ, miếng nhựa mãi mãi là miếng nhựa, cục bột mãi mãi là cục bột. Nhưng trong tay một người lớn, với cái đầu tỉnh táo, dày dặn kinh nghiệm, khéo tay, thì người lớn có thể biến cục bột đó thành cái bánh, biến miếng gỗ đó thành bức tượng.

Hiện giờ ở tịnh thất Karmel của tôi ở (...) có sáu bức tranh mà các vị nhìn, các vị thấy toàn là bằng vỏ cây thôi. Vỏ thông, rồi người ta cắt cái chỗ nào để làm sườn núi. Cũng miếng gỗ đó, họ cắt theo chiều khác tạo ra mặt đất gồ ghề. Cũng miếng gỗ thông đó mà họ tạo ra mây trời, cây cối tùm lum hết, mà chỉ là miếng gỗ thông thôi quý vị.

Các vị đừng tưởng tôi ham chơi mà tôi trưng cái đó. Tôi muốn treo cái đó để lấy cái cơ bà con tới, tôi nói chuyện bà con về giáo lý. Đó, bà con thấy không, chỉ là miếng

vô thông thôi, nhưng mà vô lượng cái phương tiện thiện xảo thì mình có thể biến mọi thứ tầm thường nhất thành thứ có ích, ý nghĩa nhất, đẹp mắt nhất, ngoạn mục nhất.

Tu tập cũng vậy. Tu tập là làm việc với những thứ mà thiên hạ nghĩ là không ra gì để biến nó thành những công trình, những tác phẩm có ý nghĩa, lợi ích, hữu dụng. Nghe!

Bài kinh này sâu lắm. Nói đến hai chuyện. Một là nói cho mình biết rốt ráo thế nào là Định học, tức là thiền định. Thứ hai nói cho mình biết thế giới này vốn dĩ nó là ảo. Tu hành cho cố mạng, cuối cùng cái anh làm được chỉ là ảo thôi. Nhớ nghe, cái câu đó mới ghê. Anh tu hành, anh hơn cái đám không tu, đúng. Nhưng cái anh có được chỉ là ảo thôi.

“Ảo” đây không phải là không có thật. Mà ảo đây là nó không đáng để mình bám víu. Thí dụ như bọt nước. Mình không thể nói bọt nước không có thật. Cái đó sai nghe. Bọt nước có thật. Bong bóng xà phòng là có thật. Gọi là ảo vì thấy đó, nhưng chạm tay vào là nó không có còn. Nhớ nghe. Nhưng còn bắt chước người ta nói ảo, rồi mình không định nghĩa ảo là gì, rồi mình phủ nhận mọi thứ không có thì mắc vào Đoạn kiến. Đức Phật nói “có” là “māyā”, nghĩa là có “ảo thuật”, có đó rồi mất đó.

Tôi nhắc lại, Tam giới là cõi ảo. Mọi thứ ở đó đều là ảo, thiện ác buồn vui đều là ảo, nhưng ta phải hành thiện ảo để được vui ảo, còn hơn là sống ác ảo để bị khổ ảo. Bởi vì trong thiện ảo ta mới được vui ảo. Nhờ vui ảo đó ta mới có điều kiện phát triển trí tuệ, tu tập Tam học để lìa bỏ các ảo.

Còn nếu mình nghĩ mọi thứ là ảo, mình tha hồ sống ác, thì tiếp theo sau cái ác ảo mình sẽ bị cái khổ ảo. Mà kẻ bị khổ ảo chỉ có điên thôi, quý vị biết không. Tôi ví dụ các vị trong room đang nghe mà phải bỏ chạy đi đập xích lô, đi khuân vác, đi bán vé số để mua gạo trưa nay, tối nay, thì có phải khổ không. Nhưng các vị biết trưa nay, chiều nay có gạo nấu cơm, tuần sau đi chợ cũng được, tuần này có đủ đồ xài rồi, thì tối thiểu nhờ cái ảo đó hôm nay mình mới vào nghe Pháp được.

Mà nghe Pháp cũng là thiện ảo thôi. Nhưng ít ra cái thiện ảo này nó giúp cho mình có được cái ảo tương đối lợi ích. Còn mình không có điều kiện sống ảo đó thì mình phải lăn vào trong cái ác ảo nhiều lắm. Người nghèo quá phải chấp nhận mọi điều kiện, mọi phương tiện kiếm sống. Đói quá chuyện gì cũng làm hết trơn. Nghe, bài kinh này sâu là sâu chỗ đó.

Như vậy nội dung một là mình nói về Định học. Thứ hai là mình nói về tánh ảo của vạn hữu.

Bài kinh 42 – Tôn giả Nagita (Nagitasutta)

Bài kinh này mình học rồi, tôi bảo đảm.

Tức là có một lần đó, Thế Tôn cùng với một vị tỷ-kheo thị giả là ngài Nagita. Ngài là một trong năm vị thị giả trong đời Đức Phật, nhưng trong đó vị được xem ngon lành nhất, dài hạn nhất, rốt ráo nhất chính là ngài Ananda. Còn mấy vị kia chỉ tạm thời, ngắn hạn.

Lần đó, Thế Tôn ở trong ngôi làng tên là Icchanangala và đang thiền định độc cư với ngài Nagita, thì có một đám cư sĩ tới cúng dường mà họ cứ rần rần, rần rần.

Sẵn đây tôi nói luôn. Tôi biết tôi nói này nhiều người thù tôi, mà tôi không nói thì cũng ác, là có nhiều người nói là đi chùa nhưng mà vô tới nơi, móc tiền ra liệng cái đùng đó là xong, là ngồi tám. Chuyện đó là có nhiều lắm, hầu hết. Vô chùa xôn xao, cười nói, phóng dật, thất niệm. Nhiều khi ông sư thuyết Pháp mà không nghe, ngồi trao đổi chuyện nhà, chuyện đời, chuyện làm ăn rần rần vậy đó. Thứ đó đi chùa một trăm năm cái đầu vẫn đơ như thường, không được gì hết.

Phật tử thứ thiệt là lúc nào cần bố thí thì bố thí bằng tín tâm, lúc nào cần nghe Pháp thì ngồi yên lại, dùng trí, dùng niềm tin để nghe. Mà lúc nào cần tu tập thiền định thì dùng định và niệm để tu.

Thì cái đám này cũng vậy, họ xách đồ ăn tùm lum. Hồi đó không cúng tiền mà cúng thức ăn, đồ uống, thuốc chữa bệnh. Họ xách lùm đùm lễ đồ vô, họ nói chuyện um sùm. Thì Đức Thế Tôn mới hỏi ngài Nagita:

“Chuyện gì vậy?”

Ngài Nagita nói:

“Bạch Thế Tôn, có đám cư sĩ họ đến hầu Thế Tôn, họ vậy đó. Xin Thế Tôn cho họ gặp mặt một chút.”

Thì Đức Phật nói:

“Không. Họ đến được thì để họ đi về. Ta không có lý do gì để gặp họ. Không có quan hệ với loại người như vậy.”

Còn mình bây giờ thì khác. Mình cứ hể mà Phật tử đại gia thì ok hết. Nhưng thực sự mà nói, nếu một lòng rất ráo tu hành thì càng tiếp xúc nhiều với mấy người đó mình chỉ bị hại, bị họa thôi. Thứ nhất là mình sẽ bị lây lan, bị cảm nhiễm cái tà lao của họ. Hai, mà nhẹ đó, thì mình bị mất

thời gian với họ.

Bài kinh này nói tới chuyện rất nhạy cảm trong quan hệ giữa Tăng và tục. Tức là thấy giúp được nhau thì giúp, mà thấy không giúp được nhau thì thôi, đừng làm mất thời gian của nhau.

Rồi bắt đầu Đức Phật mới dạy cho ngài Nagita một loạt:

“Này Nagita, người biết không, mỗi khi Như Lai nhìn thấy một tỳ kheo ngồi trong rừng mà ngủ gục, ta cũng hoan hỷ nữa. Ta nghĩ: thôi kệ, mệt thì nằm ngủ đi. Lát nữa vị này thức dậy sẽ tinh tấn tu hành. Nhưng khi ta nhìn thấy một tỳ kheo ngồi ở khu vực dân cư thì ta dễ dàng có suy nghĩ rằng rồi đây vị này sẽ bị người này người nọ làm phiền.”

Khiếp như vậy! Tức là Đức Phật Ngài tán thán khéo, tức là khi Ngài nhìn thấy một vị trong rừng, dầu vị đó ngồi ngủ gục đi nữa thì vẫn còn tốt.

Trong khi bây giờ có người bôi bác. Họ nói có một khác biệt rất lớn giữa một ông sư ngồi thiền và một ông sư ngồi thờ. Thật ra thà ngồi trong rừng mà ngồi thờ còn tốt hơn ông sư trong làng ngồi thiền. Trong room có nghe câu này không? (cười). Tôi đồng ý cái này.

Phải có một cách ly nhất định. Phải có một biên giới giữa đời với Đạo. Không biết bao nhiêu lần tôi nói với bà con rồi, cái tâm cảnh nó quan trọng lắm quý vị. Đời sống chúng ta được kiến tạo bởi rất nhiều thứ mà nói gọn có ba thôi:

Một là tiền nghiệp.

Hai là khuynh hướng tâm lý.

Ba là môi trường sống.

Môi trường sống rất quan trọng. Anh ở đâu, thường gặp ai, thường nghe gì, học gì và thường hành động ra sao, cái kiểu sống anh thế nào. Cái môi trường quan trọng lắm.

Đừng nói với tôi là các vị học Đạo nhiều, ngồi thiền nhiều, đi dự mấy thiền khóa nhiều. Tôi nói thiệt, tôi chỉ liếc cái môi trường sống của các vị là tôi đã đoán ra trên 50% rồi. Một khi đã sống dây dưa với chốn bụi đời thì khó lòng lắm.

Cái này kinh nói chớ không phải tôi nói:

“Này Nagita, ta nhìn thấy một tỳ kheo ngủ gục trong rừng ta còn hoan hỷ hơn là ta nhìn thấy một vị mà ngồi ngoài khu dân cư.”

Vì sao? Các vị coi kỹ đoạn số 3 và số 4 mới ghê.

“Ở đây, này Nagita, ta thấy một tỳ kheo ngồi thiền tại trú xứ ở cuối làng, khu dân cư, thì ta suy nghĩ như sau: bây giờ có người coi thường hay là sa di, hay vị này vị nọ tới

phá vị này.”

Mà tôi dùng ngôn ngữ bây giờ là Ngài có nghĩ đến khả năng vị này quay lại.

Nhưng riêng trường hợp Ngài nhìn thấy một vị ngồi trong rừng thì có thể tin tưởng vị này sau cơn ngủ gục sẽ tu tập tinh tấn rất tốt, vì ở đây không ai phá hết trơn. Rồi cuối cùng Ngài nhìn thấy một vị tỳ kheo trong rừng, đầu ở trong rừng bị thiếu thốn đủ thứ, nhưng Ngài vẫn thấy vị đó an lạc hơn mà ở khu dân cư mà đầy đủ.

Theo bài kinh này mình thấy Ngài tán thán một vị tỳ kheo sống ở rừng, một vị tỳ kheo sống cách ly với thiên hạ.

Nhiều người coi kinh ba mớ nói rằng tu là tu tâm, tu mà còn tránh đời vậy là còn chấp. Mình phải dẫn thân vào chốn bụi hồng. Mình không vào địa ngục thì ai vào địa ngục để cứu chúng sanh. Mình phải thực hiện tinh thần cư trần bất nhiễm. Đó là nói dóc, nhe!

Chớ mà chơn tâm thật lòng nói với nhau thì người tu phải cần đến trú xứ thích hợp cho đời sống tịnh tâm. Mà thích hợp đây gồm nhiều thứ. Trú xứ thích hợp, mà quan hệ với cư sĩ cũng phải thích hợp. Chỉ tiếp xúc với người nào hỗ trợ cho sự tu tập định tâm của mình. Hoặc tối thiểu họ không hỗ trợ được nhưng họ cũng không quấy rầy tịnh tâm, đạo nghiệp của mình.

Nhưng quan trọng nhất, Ngài tán thán đời sống viễn ly độc cư. Đây là nội dung bài kinh Nagita.

Bài kinh 43: Con voi

Kinh 43 có nội dung rất lạ thế này. Chúng ta biết thời Đức Phật có nhiều vị tỳ kheo tên là Udayi. Udayi có hai loại: Laludayi và Kaludayi. Ông Laludayi là tào lao. Ông Kaludayi là xịn.

Tào lao nghĩa là vị này luôn luôn làm phiền chư Tăng, làm cho Đức Phật phải mắc công. Còn Kaludayi này là một vị hoàng thân trong dòng Thích Ca. Vị này trong hàng 47 vị đại thánh văn. Vị này có biệt hạnh là Đệ nhất dàn xếp cư sĩ. Nghĩa là nhiều khi trong cư sĩ có gì khó nói là Ngài được chư Tăng cử làm sứ giả tới. Ngài chỉ tiếp xúc với cư sĩ đúng 3 giây là tất cả mọi rắc rối, xung đột, mâu thuẫn, chống trái đều được dàn xếp trong tích tắc. Sở trường của Ngài là dàn xếp cư sĩ. Ngài là người rất đặc biệt.

Khi vua Tịnh Phạn nghe tin Thế Tôn thành Đạo thì vua cử người đến rước Phật về hoàng cung. Vua cử đoàn đầu tiên đi đến gặp Phật. Họ nghe, họ đảnh lễ rồi xuất gia, không liên lạc về triều nữa. Đoàn thứ hai, đoàn thứ ba cũng thế. Tất cả là tám đoàn đi rồi không quay lui, cũng không tin tức gì hết, vì hồi xưa sao liên lạc.

Thế là đến đoàn thứ 9, vua cử người vua tin cậy nhất, chính là ngài Kaludayi. Ngài Kaludayi đến gặp Phật mới trong có 3 giây là Ngài đảnh lễ và Ngài xin xuất gia. Nhưng Ngài không như mấy người kia. Ngài xuất gia xong rồi, đợi mùa an cư qua rồi Ngài vào thưa với Phật:

“Bạch Thế Tôn, lúc này mùa lúa mới vừa xong, đường xá sạch sẽ khô ráo. Trước khi con đến đây thì vua Tịnh Phạn nhờ con chuyển lời thỉnh Thế Tôn và chư Tăng về hoàng cung.”

Thì Đức Phật xét thấy là đã đến lúc, Ngài mới nhận lời. Đó là lần đầu tiên Đức Phật trở về hoàng cung. Ngài độ cho một loạt những nhân vật quan trọng nhất của hoàng tộc, như vua Tịnh Phạn, bà Kiều Đàm di mẫu Gotami, bà Da Du Đà La, rồi hoàng tử Rahula, kể cả các thế nữ, cung tần ở trong cung.

Trong kinh nói số lượng người đảnh lễ Thánh trí trong lần đó là lên tới số ngàn. Đông lắm, coi như nguyên hoàng triều, cương thổ Kapilavatthu toàn là Thánh nhân không. Cho nên có thể nói lúc vua Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích Ca, coi như phần lớn ông giết toàn là Thánh không, Thánh cư sĩ, giết sạch.

Trở lại chánh kinh thì bữa đó ngài A Nan với Đức Phật ở tại Savatthi, thì Đức Phật gọi ngài A Nan cùng đi đến chỗ suối nước để rửa tay rửa chân. Sau khi rửa tay chân thì Đức Phật Ngài không có khăn. Ngài đứng đưa tay ra để gió thổi khô.

Thì lúc bấy giờ ông vua Pasenadi có một con voi rất lớn. Con voi có tên là Seta. Tiếng Pali “seta” có nghĩa là “màu trắng”. Con này là bạch tượng, to cao kỳ vĩ, được trang sức đủ thứ nên khi nó ra đường người ta bu lại coi, khen ngợi.

Lúc đó ngài Kaludayi, vị này giờ tôi nói đó, khi Ngài nhìn thấy chuyện đó, Ngài mới thưa với Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, người ta khen con voi như vậy.”

Thì lúc đó Đức Phật giải thích cho ngài Udayi, mà Ngài biết những gì Ngài nói cho ngài Udayi sẽ đến tai muôn người sau này.

Ngài biết cái người Ngài đang nói chuyện là ai mà. Nhớ cái này nghe, Ngài biết. Ngài biết là những gì Ngài nói hôm nay trước mặt vị này sẽ đến tai muôn người về sau, trong đó có chúng ta bây giờ, 25 thế kỷ sau.

Ngài nói thế này:

“Trong tiếng Ma Kiệt Đà, con voi được gọi bằng nhiều từ, như ‘hatthi’ cũng là voi. Nhưng đặc biệt ở đây có từ ‘naga’. Chữ ‘naga’ có hai nghĩa. Vùng miền sông nước họ gọi ‘naga’ chỉ cho con rồng. Nhưng người vùng đồng bằng, rừng núi họ hiểu chữ ‘naga’ là con voi. Hiểu theo thế gian là như vậy, nhưng Đức Phật ngài định nghĩa chữ ‘naga’ phải hiểu thế này: ‘Na agum gacchati nago’: không làm ác, không đi đến điều ác thì gọi là naga.”

Đây là một kiểu định nghĩa rất là Ấn Độ và rất là Phật giáo. Ngài nói chữ ‘voi’ ở đây phải hiểu là như vậy đó: na agum gacchati nago, nghĩa là người không làm ác thì mới được gọi là naga. Còn cái mà thế gian gọi thì không có đáng.

Giống như chữ ‘mitta’ và ‘metta’. Mitta là ‘bạn’, mà metta là ‘từ tâm’. Thì chữ ‘mitta’ là trạng thái tâm của bạn bè với nhau. Còn ‘metta’ là người có từ tâm. Mình thấy cái định nghĩa đó có thể hỗ trợ cho nhau được.

Ở đây trong Chú giải nói là ngài Kaludayi thành tựu bốn trí vô ngại, cho nên khi ngài nhìn thấy sự kiện đó và nghe Đức Phật nói vậy, ngài mới thưa với Đức Phật thế này:

“Bạch Thế Tôn, con thấy hình ảnh con voi và con nghe Thế Tôn định nghĩa, con có một loạt kệ ngôn, cảm hứng ngay tại chỗ, con xin Thế Tôn cho phép con đọc bài kệ đó.”

Và ngài đọc một loạt bài kệ ngài tán thán Đức Phật nói riêng và chư Thánh nói chung. Các bài kệ đó tôi không cần giải thích, bà con đọc vô bà con hiểu.

Bài kệ đó nói thế này: con voi với chiều cao như vậy, với thân hình đồ sộ như vậy, với cái vòi và cặp ngà như vậy thì được người ta hâm mộ, thích thú, chiêm ngưỡng nó như thế nào; thì đối với một con người muốn trở thành đối tượng chiêm ngưỡng cho chư thiên và loài người nói chung thì cũng phải giống như con voi vậy. Nhưng con voi chỉ thành tựu những chi tiết sinh học vật chất. Còn một người được xem là xứng đáng để trở thành thần tượng, đối tượng lễ bái của nhân thiên thì cũng phải là con voi, nhưng là con voi trong cõi tinh thần.

Trong đây Ngài mới nói cõi tinh thần là: nhu hòa và bất hại. Trong đây in là “nhu hòa và thất bại”, các vị nghĩ động trời không! Nhu hòa và bất hại là hai bàn chân trước. Khổ hạnh và Phạm hạnh là hai bàn chân sau. Lòng tin, niềm tin, là vòi voi. Trú xả là đôi ngà. Niệm là cổ voi, nếu có suy tư gì là suy tư chánh pháp. Bụng voi là chỗ chứa Pháp. Đuôi là sống viễn ly. Vị ấy tu thiền định. Hoan hỷ trong hơi thở. Với nội tâm định tĩnh. Khéo định tâm thiền định. Voi đi là hành thiền. Các vị hiểu không ta?

Có nghĩa Ngài nói:

“Bạch Thế Tôn, con nhìn con voi thấy người ta khen, con liên tưởng đến con voi tâm linh.”

Con voi tâm linh là sao? Có nghĩa là ai trong chúng ta cũng có thể là một con voi hết, nhưng là con voi đặc biệt. Hai chân trước của nó tượng trưng cho cái hạnh tu nào. Hai chân sau tượng trưng cho hạnh tu nào. Cái vòi của voi tượng trưng cho hạnh tu nào. Cặp ngà là tượng trưng cho hạnh tu nào. Cái cổ voi, bụng voi là tượng trưng cho hạnh tu nào.

Khi con voi nó đi, nó đứng, nó hùng dũng oai phong như thế nào thì hành giả không cần hùng dũng oai phong, nhưng hành giả cũng phải đi như voi, nghĩa là đi trong chánh niệm. Con voi thân thể nó lớn như vậy nên khi nó đứng cũng là đứng kiêu voi, khi đi nó đi kiêu voi. Thì ở đây hành giả là người tu tập thiền định, chánh niệm, trí tuệ. Đi là đi trong chánh niệm, thiền định, trí tuệ; mà ngồi, nằm hay đứng cũng trong thiền định, chánh niệm, trí tuệ. Người mà làm đúng như vậy mới là con voi giữa loài người, con voi giữa thế giới nhân thiên.

Khi Ngài đọc xong bài kệ này, bà con có thể không tin, thì tôi có trách nhiệm tôi giảng thôi chứ làm sao tôi ép bà con tin. Khi Ngài đọc xong bài kệ này, Ngài định nghĩa thế nào là con voi trong sinh học, thế nào là con voi trong tâm linh thì có 84.000 chúng sinh chứng đắc Thánh trí. Bài Kinh này đặc biệt như vậy, nhe!

Bởi sau khi Ngài đọc: “Trong muôn thú, voi có thân thể to lớn nhất, với cặp ngà, với bốn chân vững vàng đi lại trên đất như thế nào, thì một người xứng đáng được nhân thiên ngưỡng mộ cũng phải là một con voi với đầy đủ những hạnh lành.” Thì Ngài mới kể ra như vậy đó. Khi Ngài đọc xong bài kệ này có 84.000 vị trời, loài người — người thì chắc không nhiều — mà vị trời họ thường đi quanh, tháp tùng Đức Phật, họ đắc, đông như vậy!

Giờ phải ngưng rồi. Hẹn bà con ngày mai. Chúng tôi cũng phải thu xếp đi ra phi trường. Ráng giảng cho bà con nghe chừng đó Kinh, chúng tôi thu xếp hành lý một

chút ra phi trường. Rồi ngày mai vẫn học bình thường.

Chúc các vị một ngày vui.